

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN B
THÀNH PHỐ C**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **30/2021/HSST**

Ngày: 18-5-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B, THÀNH PHỐ C**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thúy Quyên**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Lài

2. Bà Cao Thị Ngọc Hà

- *Thư ký phiên tòa:* Nguyễn Thị Hồng Châu – Thư ký Tòa án nhân dân quận B, thành phố C.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B, thành phố C tham gia phiên tòa:* Ông **Nguyễn Văn Tâm** – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 31/2021/HSST ngày 12 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 255/2021/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2021, đối với bị cáo:

Phạm Hoàng Châu Kim Y, sinh năm 1978 tại V; Hộ khẩu thường trú: Khóm 4, phường V1, thị xã M, tỉnh V; nơi cư trú: Số 101 đường Nguyễn Văn Cừ, phường H, quận N, thành phố C; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm H (sống) và bà Châu Thị Đ (sống); chồng Nguyễn B1 (chết), con nhỏ nhất sinh năm 2010, con lớn nhất sinh năm 2002, tiền sự: Không; tiền án: Không.

Ngày 12/01/2021 bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị hại: Bà **Lê Thị T**, sinh năm 1949; địa chỉ: Số 364D/15, tổ 15, khu vực N1, phường L, quận B, thành phố C.

Người làm chứng: **Nguyễn Lê Yên S**, sinh năm 1973; địa chỉ: Số 364D/15, tổ 15, khu vực N1, phường L, quận B, thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 10/11/2020, Phạm Hoàng Châu Kim Y có đến nhà của chị Nguyễn Lê Yên S tại số 364D/15, Tổ 15, khu vực N1, phường L, quận B để làm thuê phụ giúp việc nhà. Bà Lê Thị T là mẹ ruột chị S sống cùng nhà số 364D/15 nêu trên. Công việc của Y chủ yếu là lau dọn vệ sinh nhà trong khoảng thời gian từ 07 giờ sáng đến 11 giờ trưa với tiền công thỏa thuận là 120.000 đồng/buổi.

Sáng ngày 13/11/2020, Y đến nhà của bà S để làm như thường lệ. Trong lúc lau dọn trong phòng ngủ của bà Lê Thị T, Y phát hiện tại vị trí ngăn đựng quần áo đầu tiên từ trên xuống của chiếc tủ gỗ đặt trong phòng có 01 túi vải màu xanh. Y lấy và mở túi vải này ra, thấy bên trong có nữ trang vàng nên Y đã lén lút lấy trộm số tài sản bao gồm: 02 chiếc nhẫn vàng 24K; 01 chiếc lắc vàng 18K có đính hột và 01 sợi dây chuyền vàng 18K có mặt bằng vàng đính hột. Sau khi lấy được tài sản, Y giấu vào chiếc túi ni lông đựng đồ dùng cá nhân của Y để ở kệ giày dép đặt tại phòng khách nhà chị S.

Khi hết giờ làm, Y mang chiếc túi ni lông đựng đồ dùng cá nhân trong đó có số vàng lấy trộm được về nhà tại số 101, đường Nguyễn Văn Cừ, phường H, quận N, thành phố C cất giữ. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, Y lấy 01 chiếc nhẫn vàng 24K trong số vàng đã lấy trộm mang đến Tiệm vàng Kim X, có địa chỉ tại số 933, Tổ 17, Khóm 1, phường V1, thị xã M, tỉnh V bán được số tiền 10.040.000 đồng. Y sử dụng 9.900.000 đồng trả nợ cho người tên Tiến (không rõ nhân thân), số còn lại Y chi xài cá nhân.

Kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTS ngày 07/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận B kết luận:

- 01 chiếc nhẫn bằng vàng mặt vuông loại vàng 99% (23.76k) trọng lượng 03 chỉ có giá mua vào là 15.681.000 đồng và giá bán ra là 16.125.000 đồng;
- 01 chiếc lắc bằng vàng có đính hột (hột không có giá trị mua, bán) loại vàng 72% (17.28K) trọng lượng 1,028 chỉ (không có hột) có giá mua vào là 3.907.000 đồng và giá bán ra là 4.018.000 đồng;
- 01 dây chuyền bằng vàng loại vàng 72% (17.28k) trọng lượng 2,282 chỉ có giá mua vào là 8.674.000 đồng và giá bán ra là 8.920.000 đồng;
- 01 mặt dây chuyền bằng vàng có đính hột bằng đá màu xanh hình phạt (hột không có giá trị mua, bán) loại vàng 72% (17.28k) trọng lượng 0,502 chỉ có giá mua vào 1.908.000 đồng và giá bán ra là 1.962.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐĐGTS ngày 01/02/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận B kết luận: 01 nhẫn bằng vàng mặt vuông loại vàng 24K trọng lượng 02 chỉ có giá mua vào là 10.680.000 đồng và giá bán ra là 10.890.000 đồng.

Quá trình điều tra, bà Lê Thị T trình báo bị mất số tài sản (07 tài sản) gồm: 01 chiếc nhẫn vàng 24K trọng lượng 02 chỉ; 02 chiếc nhẫn vàng 24K mặt vuông trọng lượng 03 chỉ; 01 chiếc nhẫn vàng 18K có gắn hột đá cẩm thạch, trọng lượng 01 chỉ; 01 chiếc lắc tay bằng vàng 18K có gắn đá cẩm thạch trọng lượng 01 chỉ; 01 sợi dây chuyền vàng 18K có mặt bằng vàng tổng trọng lượng 2,5 chỉ; 01 sợi dây

chuyên vàng 18K có mặt hình ô van bằng cẩm thạch (không rõ trọng lượng) nhưng không cung cấp được các hoá đơn chứng từ để chứng minh nguồn gốc, xuất xứ số tài sản này. Riêng Y chỉ thừa nhận có lấy trộm các tài sản gồm: 02 chiếc nhẫn vàng 24K mặt vuông; 01 chiếc lắc vàng 18K có đính hột; 01 sợi dây chuyền vàng 18K có mặt bằng hình Phật bằng vàng.

Quá trình điều tra, Y đã giao nộp số tài sản gồm: 01 chiếc nhẫn vàng mặt vuông tuổi vàng 99% (23.76k), trọng lượng 03 chỉ; 01 chiếc lắc tuổi vàng 72% (17.28k), trọng lượng 1,028 chỉ; 01 sợi dây chuyền vàng 72% (17.28k), trọng lượng 1,282 chỉ; 01 mặt dây chuyền vàng đá màu xanh hình phật tuổi vàng 72% (17.28k), trọng lượng 0,502 chỉ.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận B ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bà Lê Thị T các tài sản trên. Đối với chiếc nhẫn vàng Y đã bán không thu hồi được.

Quá trình điều tra Phạm Hoàng Châu Kim Y thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và phù hợp với những chứng cứ thu giữ, kết luận điều tra.

Tại bản Cáo trạng số 28/CT-VKSBT ngày 06/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân quận B đã truy tố bị cáo Phạm Hoàng Châu Kim Y về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự;

Tại phiên toà sơ thẩm, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã truy tố. Tuy nhiên, bị cáo cho rằng khi lấy túi vải màu xanh của bà T thì bị cáo không biết bên trong là gì. Đến khi về tới nhà, bị cáo mở túi ra mới biết bên trong là số vàng, nữ trang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B, thành phố C vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản áp dụng như Cáo trạng. Đồng thời, phân tích hành vi phạm tội của bị cáo. Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo nhưng tại phiên tòa bị cáo quanh co không thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự Bị cáo phạm tội đối với người trên 70 tuổi nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tại điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 38, khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự tuyên phạt bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường thiệt hại cho bị hại số tiền 10.680.000 đồng là giá vàng mua vào.

Trong phần tranh luận, bị cáo đồng ý với nội dung truy tố của Viện kiểm sát và xin lỗi đối với bị hại.

Bị hại có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và không yêu cầu giải quyết đối với số vàng bị hại cho rằng có mất trộm nhưng bị cáo Y không thừa nhận đã lấy. Bị hại yêu cầu bị cáo hoàn trả giá trị 02 chỉ vàng loại 24K mà bị cáo lấy và bán không thu hồi được.

Phát biểu lời nói sau cùng, bị cáo ăn năn hối cải xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án tù treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra Công an quận B, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân quận B, thành phố C trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với các biên bản ghi lời khai cùng các chứng cứ khác đã được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 13/11/2020, tại nhà số 364D/15, Tổ 15, khu vực N1, phường L, quận B, Phạm Hoàng Châu Kim Y đã có hành vi lén lút lấy trộm vàng, nữ trang của bà Lê Thị T với tổng giá trị là 40.850.000 đồng. Hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo Phạm Hoàng Châu Kim Y đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ, hành vi phạm tội: Mặc dù, bị cáo có nhân thân tốt. Tuy nhiên, hành vi của bị cáo Phạm Hoàng Châu Kim Y là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm tài sản của công dân. Bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình. Bị cáo biết rõ hành vi xâm phạm quyền sở hữu của công dân sẽ bị pháp luật trừng trị nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hội đồng xét xử nghĩ nên, cần có mức án nghiêm trọng xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Về tình giảm nhẹ, tiết tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Theo hồ sơ thể hiện trong quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo nhưng tại phiên tòa hôm nay bị cáo quanh co, không thừa nhận hết các hành vi phạm tội của mình. Tuy nhiên, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội là lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và bị hại có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm i khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội đối với bị hại sinh năm 1949 (tính đến nay là trên 70 tuổi) nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tại điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về mức hình phạt đối với bị cáo là có cơ sở chấp nhận.

[5] Trách nhiệm dân sự: Trong số tài sản bị cáo lấy trộm thì bị cáo đã lấy bán 01 chiếc nhẫn vàng loại 24K, trọng lượng 02 chỉ. Do không thu hồi được vật

chứng này nên bị cáo phải bồi thường giá trị 02 chỉ vàng loại 24K cho bị hại là giá vàng bán ra của Hội đồng định giá kết luận 10.890.000 đồng.

[6] **Án phí:** Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Hoàng Châu Kim Y phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, Điều 38, Điều 50, điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Hoàng Châu Kim Y **12 (mười hai)** tháng tù.

Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 589, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Buộc bị cáo Phạm Hoàng Châu Kim Y có trách nhiệm hoàn trả cho bị hại Lê Thị T số tiền 10.890.000 đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, Tổng ứng với thời gian chậm trả.

4. Án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phạm Hoàng Châu Kim Y phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 544.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố C xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP. C;
- VKSND Q. B;
- CA Q. B;
- Chi cục THADS Q.B;
- Sở T pháp TP. C;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu hồ sơ, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thúy Quyên